TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02560

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10123210	PHẠM HỒNG	TUÂN	DH10KE	1		1,2	2,4	3,6	7,2	7	2
38	10122182	CHU THANH	TUẤN	DH10QT	1		0,8	1,4	3	6,2	6	2
39	09122155	LÊ TIẾN	TÙNG	DH09QT	1		v	1	3,4	4,4	4	4
40	10122184	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	DH10QT	1		1,8	3	4,5	9,3	9	3
41	10122189	PHẠM THỊ	TUYẾT	DH10QT	1		1,2	2,8	3,4	7,4	7	4
42	10164044	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYÊN	DH10TC	1		0,6	2	3,7	6,3	6	3
43	10150095	NGUYỄN VĂN	ƯA	DH10TM	1		1,2	1	5,1	7,3	7	3
44	09122157	TRẦN TRỌNG	VĂN	DH09QT	1		0,4	2,6	4,5	7,5	7	5
45	10122195	LÊ THỊ THU	VÂN	DH10QT	1		v	3	3,4	6,4	6	4
46	09122159	NGUYỄN KIỀU	VÂN	DH09QT	1		1,4	2,2	5,4	9	9	0
47	10155037	PHAN THỊ	VÂN	DH10KN	1		1	2,4	4,5	7,9	7	9
48	10122198	PHAN THỊ TUYẾT	VÂN	DH10QT	1		1	1	3,6	5,6	5	6
49	10150096	TRẦN THỊ MỸ	VÂN	DH10TM	1		1	2,4	3,1	6,5	6	5
50	10122202	HOA ĐÌNH	VŨ	DH10QT	1		1,2	1	3,6	5,8	5	8
51	09122166	TRẦN THỊ HỒNG	VY	DH09QT	1		1,4	2	3,6	7	7	0

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Anh Trần Minh Đa Hạnh

Phạm Thu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02560

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09122171	ĐẶNG THỊ	THOA	DH09QT	1		1,2	1,4	3,6	6,2	6	2
20	09122132	PHẠM VĂN	THÔNG	DH09QT	1		2	2,2	4,9	9,1	9	1
21	10122156	PHẠM THỊ BÍCH	THU	DH10QT	1		1,2	2,8	2,8	6,8	6	8
22	10155057	NGUYỄN MẬU THỊ	THÙY	DH10KN	1		1	1,4	4,2	6,6	6	6
23	09122134	PHẠM THỊ BÍCH	THÙY	DH09QT	1		1,2	2,7	3,9	7,8	7	8
24	10150082	HOÀNG THỊ	THÚY	DH10TM	1		1,6	1,4	4,8	7,8	7	8
25	10123190	BÙI NGỌC	TIỀN	DH10KE	1		1,4	2,8	4,5	7,7	7	7
26	10155039	VÕ MỘNG	TIỀN	DH10KN	1		1	1	3,1	5,1	5	1
27	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	DH10QT	1		2	2,2	3,4	7,6	7	6
28	10155046	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	DH10KN	1		1,4	2,8	3,3	6,5	6	5
29	09123176	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	DH09KE	1		1,4	2,5	5,4	9,3	9	3
~~30~~	~~10363063~~	~~NGUYỄN THIÊN~~	~~TRANG~~	~~CD10CA~~			1	1	V	2	2	0
31	10164040	ĐINH BÍCH	TRÂM	DH10TC	1		1	2,8	4,8	8,6	8	6
32	10363064	NGUYỄN THỊ ANH	TRÂM	CD10CA	1		1,4	2,8	4,2	8,4	8	4
33	09122148	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	DH09QT	1		0,2	2,4	4,8	7,4	7	4
34	10155036	NGUYỄN ANH BẢO	TRÂN	DH10KN	1		0,4	3	3,6	7	7	0
35	10123208	NGÔ NGUYỄN NGỌC	TRÚC	DH10KE	1		1	2,6	4,3	7,9	7	9
36	10123205	HỒ	TRUNG	DH10KE	1		1,4	2,1	4,8	8,3	8	3

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Anh Đào Minh Đa Hạnh

K. phạm Thu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02560

R 21/6/2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09122097	VŨ ĐỖ TRẦN	NGUYÊN	DH09QT	1		1,6	2,2	3,6	7,4	7	4
~~2~~	~~11363193~~	~~LÊ THỊ TUYẾT~~	~~NHI~~	~~CD11CA~~	~~V~~		V	1	V	2,0	2	0
3	09122099	ĐINH THỊ KIM	NHUNG	DH09QT	1		1,6	2	4	7,6	7	6
4	10122114	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH10QT	1		1,6	3	4,2	8,8	8	8
5	09122100	PHẠM THỊ MỸ	NHUNG	DH09QT	1		1,2	1	4,3	6,5	6	5
6	10122127	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH10QT	1		1	3	3,7	7,7	7	7
7	10155056	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH10KN	1		0,8	1,5	4,3	6,6	6	6
~~8~~	~~10155024~~	~~NGUYỄN THỊ NGỌC~~	~~PHƯƠNG~~	~~DH10KN~~			1,2	2,6	V	3,2	3	2
9	09122109	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH09QT	1		1,2	2,2	3,9	7,3	7	3
10	10150067	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	QUỲNH	DH10TM	1		1	2	3,6	6	6	0
11	10164031	BÙI THỊ HỒNG	SANG	DH10TC	1		1,4	1,6	4	7	7	0
12	10155020	DƯƠNG NGUYÊN	SANG	DH10KN	1		0,8	2,8	3,4	7	7	0
13	09122115	TRƯƠNG HOÀNG	SƠN	DH09QT	1		1,4	2,2	4,5	8,1	8	1
14	10155006	NGUYỄN TRUNG	SUỐT	DH10KN	1		0,6	2,8	4,3	7,7	7	7
15	10155007	MẠCH THỊ KIM	THANH	DH10KN	1		1	2,6	4,9	8,5	8	5
16	10123165	ĐOÀN THỊ NGỌC	THẢO	DH10KE	1		1	2,6	4,2	7,8	7	8
17	11150097	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH11TM	1		1,6	1,8	3,9	7,3	7	3
18	09122130	BÙI THỊ MAI	THI	DH09QT	1		1	2,2	4,6	7,8	7	8

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đoàn Minh Đa Hạnh

Phạm Thu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02559

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10122091	NGUYỄN THỊ	LÝ	DH10QT	1		1,6	3	4,5	9,1	9	1
38	09122085	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MAI	DH09QT	1		V	2,2	4,5	6,7	6	7
39	10122093	NGUYỄN HIỂN	MINH	DH10QT	1		1,2	2,2	4,5	7,9	7	9
40	09122088	LÊ THỊ BÉ	NĂM	DH09QT	1		1,4	2,2	5,4	9,0	9	0
41	10122097	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGA	DH10QT	1		1,4	2	5,4	8,8	8	8
42	09122090	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH09QT	1		1	1,2	4,3	6,5	6	5
43	09122091	LÊ THÚY	NGÂN	DH09QT	1		V	2	3,9	5,9	5	9
44	10150049	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	DH10TM	1		V	2,4	4	6,4	6	4
45	11123067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	DH11KE	1		1,6	2,8	3,6	8,0	8	0
46	11363155	VÕ THỊ THÚY	NGÂN	CD11CA	1		V	1	2,1	3,1	3	1
47	10155045	NGUYỄN THỊ MINH	NGHĨA	DH10KN	1		1,4	2,8	3,4	7,6	7	6
48	09122095	CAO THỊ BÍCH	NGỌC	DH09QT	1		1,4	2,6	4,2	8,2	8	2
49	10122104	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	DH10QT	1		V	3	4,3	7,3	7	3
50	09122096	PHẠM VĂN	NGỌC	DH09QT	1		1,4	2,8	3,4	7,6	7	6

Số bài: 50 ; Số tờ: 50

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần N. Lam Duyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02559

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09164001	LƯƠNG NGỌC	HƯNG	DH09QT	1		1,6	2	4,2	7,8	7	8
20	09122062	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	DH09QT	1		1,8	1	4,8	7,6	7	6
21	10150025	NGUYỄN THỊ THANH	HƯỜNG	DH10TM	1		1	2,2	1,9	5,1	5	1
22	10155055	CÁP LÊ VƯƠNG	KHÁNH	DH10KN	1		1	2,8	3,1	6,9	6	9
23	10164014	BẠCH ĐĂNG	KHOA	DH10TC	1		1	2,2	4,2	7,4	7	4
24	10164016	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	DH10TC	1		0,8	2	5,7	8,5	8	5
25	10122081	TRẦN ĐĂNG	LÂM	DH10QT	1		1	2,8	3,3	7,1	7	1
26	10150031	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	DH10TM	1		1,6	2,6	3,7	7,9	7	9
27	10363154	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	CD10CA	1		1,2	2	4	7,2	7	2
28	09122072	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN	DH09QT	1		V	1,6	4,2	5,8	5	8
29	10122085	HUỲNH THỊ MỸ	LINH	DH10QT	1		1,6	2,8	4	8,4	8	4
30	10155044	VÕ HÙNG	LINH	DH10KN	1		1,6	2,8	3,9	8,3	8	3
31	10150034	CHU THỊ	LOAN	DH10TM	1		1,6	2,2	3,8	8,6	8	6
32	09123074	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	DH09KE	1		1,4	2,4	3,1	6,9	6	9
33	09122078	HÀ CÔNG	LUẬN	DH09QT	1		1,4	2,4	3,7	7,5	7	5
34	10123103	LÊ THỊ ÁI	LY	DH10KE	1		1,6	2,8	4	8,4	8	4
35	09122080	NGUYỄN THỊ DẠ	LY	DH09QT	1		1,6	2,6	4,8	9	9	0
36	09122082	TRẦN THỊ TRÚC	LY	DH09QT	1		1	2	4,3	7,3	7	3

Số bài:.....50.....; Số tờ:.....50.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần N. Lam Duyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02559

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

21/6/2012

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10122052	PHAN THỊ THÚY	HẰNG	DH10QT	1		0,8	3	3,7	7,5	7	5
2	10122054	TRẦN THỊ NGỌC	HẬU	DH10QT	1		0,8	3	3,3	7,1	7	1
3	10123060	CHÂU THỊ THANH	HIỀN	DH10KE	1		0,8	2	4,2	7,0	7	0
4	10123061	NGUYỄN THỊ HỒNG	HIỀN	DH10KE	1			1	3,6	4,6	4	6
5	10164010	NGÔ HOÀNG	HIẾU	DH10TC	1		1,2	2	5,1	8,3	8	3
6	10164011	NGÔ LƯU MINH	HIẾU	DH10TC	1		0,6	2,2	4,5	7,3	7	3
7	09122045	VÕ TRỌNG	HIẾU	DH09QT	1		1,6	1,6	4	7,2	7	2
8	10122057	HOÀNG THỊ	HOA	DH10QT	1		1,4	1	3,4	5,8	5	8
9	09122048	LÊ THỊ MỸ	HÒA	DH09QT	1		1,2	1,4	4,5	7,1	7	1
10	09122053	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH09QT	1		1,6	1,8	4,5	7,9	7	9
11	09122049	PHÙNG THỊ THƯƠNG	HOÀI	DH09QT	1		1,6	2,6	4,2	8,4	8	4
12	10122059	HÀ THỊ	HOAN	DH10QT	1		0,6	1,8	3,3	5,7	5	7
13	10123067	NGUYỄN LÊ	HOÀNG	DH10KE	1		1,4	2,6	4,5	8,5	8	5
14	09122047	NGUYỄN THỊ	HOANH	DH09QT	1		1	2,3	4	7,3	7	3
15	10164012	LÊ KIM	HỒNG	DH10TC	1		1,4	1	4,3	6,7	6	7
16	10122069	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH10QT	1		1,6	2,8	3,6	8	8	
17	09123055	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	DH09KE	1		1	2,5	3,3	6,8	6	8
18	09122060	NGUYỄN NGỌC	HUỲNH	DH09QT	1		1,4	1,1	4,6	7,1	7	1

Số bài: 50 ; Số tờ: 50

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần T Tuyền

Trần N Lam Duyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02538

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10122038	TRẦN THỊ BÍCH	ĐÀO	DH10QT			0,8	2,6	4,3	7,7	7	7
20	10122040	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP	DH10QT			0,8	1,8	6	8,6	8	6
21	09122020	TRẦN VƯƠNG NGỌC	ĐÔNG	DH09QT			1,6	1,8	3,9	7,3	7	3
22	11164040	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH11TC			1	2	3	6,0	6	0
23	10164008	TRẦN THỊ KHÁNH	HÀ	DH10TC			0,8	2	3,6	6,4	6	4
24	09122024	NGUYỄN HOÀNG	HAI	DH09QT			V	1	3,3	4,3	4	3
25	09122029	NGUYỄN VĂN	HÀI	DH09QT			1,6	2	3,9	7,5	7	5

Số bài: 24 ; Số tờ: 24 (TM)

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02538

B21/6/2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10155051	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	DH10KN			V	2,8	3,7	6,5	6	5
2	10164003	TRẦN THỊ VÂN	ANH	DH10TC			0,8	1,4	4,3	6,5	6	5
3	09122005	ĐÀO MINH	ÂN	DH09QT			1	2	5,1	8,1	8	1
4	10123010	LÊ VĂN	BÁO	DH10KE			2	2	3,9	7,9	7	9
5	09122007	ĐOÀN THANH	BÌNH	DH09QT			1,4	2,6	4,6	8,6	8	6
6	~~10155035~~	~~PHAN VĂN~~	~~CẢNH~~	~~DH10KN~~			1	1,6	V	2,6	V	
7	09122010	TRẦN THỊ	CẨM	DH09QT			1,4	2,8	4,2	8,4	8	4
8	10164005	VÕ BỬU	CHÂU	DH10TC			1,2	2	3,4	6,6	6	6
9	10155001	TRẦN THIỆN	CHÍ	DH10KN			1,2	2,8	3,4	7,1	7	1
10	09363038	PHẠM THỊ NHẬT	DIỄM	CD09CA			1,4	1,6	3,1	6,1	6	1
11	10122026	TRẦN THỊ	DIỄM	DH10QT			1,4	2,6	4,6	8,6	8	6
12	10164006	NGUYỄN THỊ KIM	DIỆU	DH10TC			1,4	2	3,4	6,8	6	8
13	10123026	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆU	DH10KE			1,2	2,1	3	6,3	6	3
14	10122027	NGUYỄN TIẾN	DUẨN	DH10QT			1	2,8	2,4	6,2	6	2
15	09123018	LÊ THỊ KIM	DUNG	DH09KE			0,8	2,6	3,4	6,8	6	8
16	10122028	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH10QT			1,6	2,6	4,6	8,8	8	8
17	10122034	TÔ KIM	DUYÊN	DH10QT			V	2,8	3,3	6,1	6	1
18	10122037	TRẦN VĂN	DƯỠNG	DH10QT			2	2,8	2,5	7,3	7	3

Số bài: 24 ; Số tờ: 24 (Tổ)

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10363193	ĐỖ THỊ	TRANG	CD10CA		Trang	1	1	4,8	6,8	6	8
74	10122170	NGUYỄN NGUYỆN THÙY	TRANG	DH10QT			2	2	3	7	7	0
75	10150087	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	DH10TM		Trang	2	2	4,5	8,5	8	5
76	10123006	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	DH10KE		Tram	1,2	1	4,9	7,1	7	1
77	10155059	ĐINH HỮU	TRUNG	DH10KN			2	V	3,6	5,6	5	6
78	~~10363196~~	~~TRƯƠNG MINH~~	~~TUẤN~~	~~CD10CA~~								
79	10164042	NGUYỄN THỊ NGÂN	TUYỀN	DH10TC			2	2	4,6	8,6	8	6
80	10363197	TRẦN NGỌC	TUYẾN	CD10CA			V	1	3,1	4,1	4	1
81	10164043	GIÁP VĂN	TỰ	DH10TC			2	2	3,4	7,4	7	4
82	09122156	PHAN TÚ	UYÊN	DH09QT			2	2	3,9	7,9	7	9
83	10122199	NGUYỄN TƯỜNG	VI	DH10QT			V	2	4,2	6,2	6	2
84	10155033	HOÀNG THỊ BÌNH	YÊN	DH10KN			2	2	4,6	8,6	8	6
85	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	DH10KE			2,2	2	3,6	7,8	7	8

Số bài: 21 ; Số tờ: 21

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T Mỹ Chê

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10164033	HUỲNH MINH	TÂM	DH10TC			2	2	4,6	8,6	8	6
56	11164009	VÕ THỊ MINH	TÂM	DH11TC			2	V	3,6	5,6	5	6
57	10363185	BÙI THỊ	THANH	CD10CA			1,5	1	3,3	5,8	5	8
58	10123166	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10KE			2,2	2	4,2	8,4	8	4
59	10363144	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	CD10CA			1,5	1,2	4,2	6,9	6	9
60	10164036	NGUYỄN HẠNH TỪ	THẢO	DH10TC			2	2	4,5	8,5	8	5
61	10363098	PHẠM THỊ THANH	THẢO	CD10CA			1,5	2	3,3	6,8	6	8
62	11164010	SƠN THỊ THANH	THẢO	DH11TC			2	2	2,7	6,7	6	7
63	10363025	TRẦN THỊ XUÂN	THẢO	CD10CA			1,5	2	3,7	7,2	7	2
64	10363099	VÕ THỊ THU	THẢO	CD10CA			1,5	1	3	5,5	5	5
65	10363141	NGUYỄN QUỐC	THIÊN	CD10CA							V	
66	10363187	PHẠM TRƯỜNG	THÔNG	CD10CA			1,5	1	3,7	6,2	6	2
67	10363207	CAO THỊ BÍCH	THỦY	CD10CA			1,7	1	3,7	6,4	6	4
68	10363181	MAI LỆ	THỦY	CD10CA			2,2	1	3,7	6,9	6	9
69	10363113	HỒ THỊ	THƯ	CD10CA			1	2	4	7	7	
70	10123186	NGUYỄN THỊ	THƯ	DH10KE			1,2	2	3,4	5,6	5	6
71	10363110	VŨ THỊ ANH	THƯ	CD10CA								
72	10363114	NGÔ THỊ	THƯƠNG	CD10CA								

Số bài: 71 ; Số tờ: 71

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T Mộng Châu

Ng Hồng Nhân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10363215	LÊ PHẠM TIỂU	MY	CD10CA			1,5	2	3,6	7,1	7	1
38	10164023	NGUYỄN DƯƠNG THỊ H	MY	DH10TC			1,5	2	4,5	8	8	0
39	10363069	TRẦN THỊ DIỄM	MY	CD10CA			2	2	4,2	8,2	8	2
40	10363078	TRẦN THỊ TRÀ	MY	CD10CA			1,2	2	4	7,2	7	2
41	10363061	LÊ HOÀNG THIÊN	NGÂN	CD10CA			1	1	3,7	5,7	5	7
42	10363005	LÊ THỊ KIM	NGÂN	CD10CA			1,2	V	4	5,2	5	2
43	10122103	ĐẶNG THỊ BÍCH	NGỌC	DH10QT			2	2	4,3	8,3	8	3
44	~~10363030~~	~~LÊ THANH~~	~~NGUYÊN~~	~~CD10CA~~								
45	10122108	PHẠM THỊ	NHÀI	DH10QT			2	1	3,6	6,6	6	6
46	10164026	NGÔ THỊ THANH	NHÀN	DH10TC			2,2	2	2,8	4,8	4	8
47	10363077	PHAN THỊ Ý	NHI	CD10CA			2,2	2	3,3	7,5	7	5
48	10164027	VÕ THỊ ĐÔNG	NHI	DH10TC			2,2	2	4,2	8,4	8	4
49	~~10363084~~	~~BÙI THỊ MỸ~~	~~NHUNG~~	~~CD10CA~~								
50	10164028	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH10TC			2	2	3,3	7,3	7	3
51	10122123	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHỤNG	DH10QT			2	2	4,9	8,9	8	9
52	09123118	TRẦN CAO GIAO	PHƯƠNG	DH09KE			2	2	3	7	7	0
53	10164029	VÕ THỊ HOA	PHƯỢNG	DH10TC			2	2	4	8	8	0
54	10122136	VƯƠNG TẤN	TÀI	DH10QT			2,2	2	5,4	9,6	9	6

Số bài: 71 ; Số tờ: 71

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T Mùng Thê

Ng. Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	~~11123105~~	~~VŨ THỊ~~	~~HẬU~~	~~DH11KE~~							V 0	0
20	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	DH10QT			2	V	2,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
21	~~10363161~~	~~HÁN THỊ KHÁNH~~	~~HÒA~~	~~CD10CA~~							V 0	0
22	10122060	TRỊNH XUÂN	HÒA	DH10QT			2,2	2	3	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
23	10122068	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	DH10QT			1,7	2	4,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
24	10123073	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	DH10KE			2,2	1	3,6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
25	10363175	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	CD10CA			1,5	2	3,6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
26	~~10363018~~	~~CHUNG LÊ~~	~~KHANG~~	~~CD10CA~~							V 0	0
27	10150027	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH10TM			1,7	2	4,3	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
28	10363123	MAI MỸ	LỆ	CD10CA			1,2	1	3,7	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
29	10122083	ĐẶNG LÝ TRÚC	LINH	DH10QT			2	1	4,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
30	07122082	PHAN VŨ	LONG	DH08QT			V	V	3,4	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
31	10150038	TRẦN THỊ LY	LY	DH10TM			1,7	2	5,1	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
32	10164020	HUỲNH THANH	MAI	DH10TC			2,2	1	4,2	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
33	10363202	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	CD10CA			1,7	1	3,3	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
34	10164021	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	DH10TC			2,2	2	4	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
35	09123083	VÕ THỊ	MƯỜI	DH09KE			2	2	4	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0
36	10164022	ĐÀO THỊ DIỄM	MY	DH10TC			2	2	3,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0

Số bài: 71 ; Số tờ: 71

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô T Mùi Chè

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02539

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 12/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10150002	NGUYỄN HÀ NHẤT	ÁI	DH10TM			2	2	4,3	8,3	8	3
2	10164002	NGUYỄN CÁT	ANH	DH10TC			2,2	1	4,3	7,5	7	5
3	10363007	PHAN THỊ NGỌC	ÁNH	CD10CA								
4	11164006	ĐÀO THỊ	BÌNH	DH11TC			2	2	2,7	6,7	6	7
5	10363209	NGÔ THỊ THANH	CẨM	CD10CA								
6	10363151	TRẦN PHONG	CHÁNH	CD10CA			V	1	3,4	4,4	4	4
7	10363008	NGUYỄN THỊ	CHUNG	CD10CA			1	1	3,1	5,1	5	1
8	10123020	TRƯƠNG THỊ	DIỄN	DH10KE			V	1	4	5	5	0
9	10123028	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	DH10KE			1,2	1	4,5	6,7	6	7
10	11363101	BÙI VĂN	DƯƠNG	CD11CA			2,7	0,5	2,8	6	6	0
11	10143018	LÊ THANH	DƯƠNG	CD11CA			1,2	2	3,6	6,8	6	8
12	10122036	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	DH10QT			2	2	3	7	7	0
13	10363125	HỒ MAI TIẾN	ĐẠT	CD10CA								
14	10363039	ĐÀO THỊ MỸ	HÀ	CD10CA			0,5	2	3,4	5,9	5	9
15	10150012	TRỊNH THỊ HOÀNG	HẢI	DH10TM			1,7	2	3,3	7	7	0
16	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	DH09KE			V	V	2,7	2,7	2	7
17	11363108	ĐỖ THỊ NGUYỆT	HẰNG	CD11CA								
18	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	CD10CA								

Số bài: 31 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2:-Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Cán bộ chấm thi 1&2

Th.S.NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG

Ngày tháng năm